TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023
"V/v Ly hôn giữa bà M và ông B"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng;

2. Bà Lê Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 806/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị M, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Ông Bùi Trường C - Luật sư Văn phòng L - Thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn B, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà M, ông Trường C1 có mặt, ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị M trình bày tóm tắt như sau:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 1991 bà và ông Lâm Văn B đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10-8-2015. Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 20-3-1990 và Lâm Nguyên K, sinh ngày 07-10-2006. Thời gian đầu sau khi cưới, vợ chồng sống tha phương ở nhiều nơi sau đó mới về sinh sống tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường cãi vã, ông B nhiều lần bạo hành gia đình, thường chửi bới và đập phá đồ trong gia đình kể cả đồ thờ cúng nên bà và ông B đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 và đến tháng 5 năm 2023 bà dọn ra ngoài sống riêng cho đến nay. Nay bà M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về nuôi con chung: Bà M xác định bà và ông B có 02 con chung tên Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 20-3-1990 và Lâm Nguyên K, sinh ngày 07-10-2006. Do cháu Khả Á đã trưởng thành nên khi ly hôn, bà M đồng ý giao con chung là Lâm Nguyên K cho ông B nuôi dưỡng, bà M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị M xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lâm Văn B trình bày tóm tắt như sau: Ông B thống nhất với ý kiến trình bày của bà Lâm Thị M về thời gian quen biết, kết hôn và con chung. Tuy nhiên, ông B không đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu ly hôn của bà M. Ông B xác định mâu thuẫn vợ chồng là có, nhưng do bà M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường hay cãi vã và bà M đã ra ngoài thuê nhà sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Bà M yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông B đề nghị bà M nhận thức sửa sai để quay về vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con chung.

Về nuôi con chung: Ông B xác định ông và bà M có 02 con chung tên Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 20-3-1990 và Lâm Nguyên K, sinh ngày 07-10-2006. Trường hợp bà M cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B xác định ông và bà M không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 08/8/2023, cháu Lâm Nguyên K có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống với cha.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng ông B không đến tham gia hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị M không rút, bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến trình bày.

Bị đơn ông Lâm Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà M và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lâm Thị M tranh luận: Bà M yêu cầu ly hôn với ông B. Qua lời trình bày của bà M xét thấy hôn nhân giữa bà M và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông B mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn không tham gia hòa giải, không đến phiên tòa cho thấy ông B cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà M được ly hôn với ông B. Bà M đồng ý giao con chung tên Lâm Nguyên K, sinh ngày 07-10-2006 cho ông B nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung do bà M và ông B thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Bà Lâm Thị M yêu cầu ly hôn với Lâm Văn B. Xét thấy từ cuối năm 2022 bà M và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông B nhiều lần bạo hành gia đình, thường xuyên chửi bới và đập phá đồ trong gia đình kể cả đồ thờ cúng, do bất đồng quan điểm sống, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà M và ông B đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Về con chung: Hiện cháu Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 20-3-1990 đã trưởng thành nên không xem xét. Cháu Lâm Nguyên K, sinh ngày 07-10-2006 có nguyện vọng là muốn sống cùng với cha và tại phiên tòa bà M cũng đồng ý giao cháu K cho ông B nuôi dưỡng, bà M không cấp dưỡng nuôi con, ông B vắng mặt không có ý kiến yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lâm Nguyên K cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Về chia tài sản, nợ chung: Các bên xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lâm Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn B. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Ông Lâm Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị M và ông Lâm Văn B có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10-8-2015 (Giấy đăng ký số 71, quyển số 01/2015) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị M và ông Lâm Văn B là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị M đối với ông Lâm Văn B, thấy rằng: Bà M trình bày cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, ông B nhiều lần bạo hành gia đình, thường chửi bới và đập phá đồ trong gia đình kể cả đồ thờ cúng. Ông B cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bà M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường hay cãi vã và bà M đã ra ngoài thuê nhà sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Ông mong muốn bà M sửa sai để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau chăm lo cho con chung. Xét thấy, yêu cầu đoàn tụ của ông B không được bà M đồng ý, Tòa án đã tiến hành tống đạt mời ông B tham gia phiên tòa để giải quyết ly hôn với bà M nhưng ông B vắng mặt lần thứ hai không lý do chứng tỏ ông B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm. Xét thấy một trong hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị M.

[2.3] Về nuôi con chung: Bà M và ông B xác định có 02 con chung tên Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 20-3-1990 và Lâm Nguyên K, sinh ngày 07-10-2006. Hiện cháu Khả Á đã trưởng thành. Xét thấy, cháu Lâm Nguyên K hiện do ông B nuôi dưỡng và cháu K có nguyện vọng là muốn sống cùng với cha và tại phiên tòa bà M cũng đồng ý giao cháu K cho ông B nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Lâm Nguyên K cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà M và ông B ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà Lâm Thị M trình bày ý kiến không cấp dưỡng nuôi con chung, ông B vắng mặt không có ý kiến yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận việc bà M không cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp bà M và ông B có tranh chấp yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông B xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn bà Lâm Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị M về việc "Ly hôn" với ông Lâm Văn B.

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị M được ly hôn ông Lâm Văn B.

2. Về quyền nuôi con chung: Ông Lâm Văn B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Nguyên K, sinh ngày 07-10-2006.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông B không có yêu cầu. Trường hợp các bên có tranh chấp về cấp dưỡng được quyền khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lâm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004145 ngày 26/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An sang để thi hành. Bà Lâm Thị M đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CCTHADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm